

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 12/2024/DS-ST

Ngày: 31/7/2024

V/v Tranh chấp

Hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bùi Diệu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thuận.
2. Ông Nguyễn Ngọc Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thủy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP B; địa chỉ trụ sở: LPBank Tower, Số B đường T, Quận H, TP Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Nhật P - Giám đốc Phòng G - Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/02/2024); có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Cái Văn Q, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; đều có địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2024, bản trình bày ý kiến và lời khai tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày **10/3/2021**, Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Q1 - Phòng G đã ký Hợp đồng tín dụng số HĐTĐ56D20210146 với ông Cái Văn Q và bà Nguyễn Thị H, số tiền cấp tín dụng là 100.000.000 đồng, ông Q và bà H đã nhận đủ tiền vay trong

ngày 10/3/2021. Thời hạn vay: 36 tháng. Lãi suất: 8.8%/năm. Phương thức áp dụng lãi suất: Lãi suất cố định được tính trên tổng dư nợ gốc ban đầu. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. (Cụ thể: Lãi suất quá hạn là 13.2%/năm). Lãi suất nợ lãi quá hạn là 10%/năm.

Theo cam kết về việc trả nợ, hàng tháng ông Q và bà H phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền gốc là 2.780.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo ngày thực tế trong tháng. Quá trình thu hồi nợ ông Q và bà H đã trả được 29 kỳ và một phần lãi của kỳ thứ 29, mỗi kỳ tương ứng với một tháng, từ thời điểm 10/4/2021 đến 10/8/2023, với tổng số tiền gốc đã trả là 80.620.000 đồng và tiền lãi là 21.288.764 đồng.

Do không trả được nợ đến hạn nên khoản vay của ông Q và bà H đã bị chuyển nợ quá hạn vào ngày 20/8/2023. Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng TMCP B đã nhiều lần đôn đốc, gửi thông báo để ông Q và bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông Q và bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thường xuyên vi phạm các cam kết trả nợ. Tính đến ngày 31/7/2024 tổng dư nợ của ông Q và bà H là 26.514.074 đồng, trong đó nợ gốc là 19.380.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.134.074 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP B yêu cầu Tòa án buộc ông Cái Văn Q và bà Nguyễn Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD56D20210146 ký ngày 10/3/2021 với tổng số tiền tính đến ngày 31/7/2024 là: 26.514.074 đồng, trong đó nợ gốc là 19.380.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.134.074 đồng. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông Q và bà H phải chịu lãi suất quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD56D20210146 ký ngày 10/3/2021 với Ngân hàng TMCP B cho đến khi tất toán khoản vay.

Tại bản tự khai ngày 24/4/2024 ông Cái Văn Q trình bày: Ngày 10/3/2021 vợ chồng ông Cái Văn Q và bà Nguyễn Thị H đã ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Q1 - Phòng G để vay số tiền 100.000.000 đồng, trả nợ dần hàng tháng. Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B, ông đồng ý còn nợ số tiền gốc là 19.380.000 đồng và tiền lãi như thông báo thụ lý vụ án. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên xin trả dần cho Ngân hàng mỗi tháng 500.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Cái Văn Q và bà Nguyễn Thị H gồm: Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập đến phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, ông Q và bà H đã vắng mặt, không đến tham gia tố tụng tại các phiên họp và phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng phát biểu ý kiến: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 26, 35, 97, 177, 195, 196, 203, 208, 220, 233 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ

quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Cái Văn Q và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ngân hàng TMCP B tổng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 31/7/2024 là: 26.514.074 đồng, trong đó nợ gốc là 19.380.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.134.074 đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD56D20210146 ký ngày 10/3/2021. Bị đơn ông Cái Văn Q và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện H, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Cái Văn Q và bà Nguyễn Thị H: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa. Ông Cái Văn Q và bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Q và bà H.

[2] Về nội dung vụ án: Hợp đồng tín dụng số HĐTD56D20210146 ký ngày 10/3/2021 giữa Ngân hàng TMCP B và ông Cái Văn Q, bà Nguyễn Thị H là hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện có hiệu lực giao dịch dân sự nói chung và Hợp đồng tín dụng nói riêng nên có hiệu lực bắt buộc đối với các bên tham gia giao dịch. Ngày 10/3/2021 ông Q, bà H đã nhận được số tiền vay là 100.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD56D20210146 đã ký kết nên phải có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi theo cam kết tại Hợp đồng.

[2.1] Xét về khoản nợ gốc: Theo cam kết tại mục 4.1 Hợp đồng tín dụng số HĐTD56D20210146 thì nợ gốc trả định kỳ vào ngày 10 của mỗi tháng, chia thành 36 kỳ trả nợ, mỗi kỳ trả 2.780.000 đồng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên bắt đầu từ tháng 4/2021, ngày trả nợ cuối cùng 10/3/2024. Quá trình thu hồi nợ ông Q và bà H đã trả được 29 kỳ và một phần lãi của kỳ thứ 29, mỗi kỳ tương ứng với một tháng, từ thời điểm 10/4/2021 đến 10/8/2023 với tổng số tiền gốc đã trả là

80.620.000 đồng. Do không trả được nợ, đến ngày 20/8/2023 khoản nợ của ông Q, bà H đã chuyển sang nợ quá hạn. Do đó, cần buộc ông Q, bà H phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc 19.380.000 đồng còn lại cho Ngân hàng TMCP B.

[2.2] Xét về khoản nợ lãi: Tại Hợp đồng tín dụng số HĐTD56D20210367 ký ngày 29/9/2021, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận lãi suất cho vay là 8.8%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi quá hạn là 10%/năm, lãi trả định kỳ vào ngày 10 của mỗi tháng theo dư nợ gốc ban đầu, bắt đầu trả lãi từ tháng 4/2021. Trong quá trình từ tháng 4/2021 đến tháng 8/2023, cùng với việc trả nợ gốc thì ông Q, bà H đã trả lãi theo cam kết với tổng số tiền là 21.288.764 đồng. Xét Hợp đồng tín dụng đã được xác lập và thỏa thuận giữa các bên về mức lãi suất trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 100 Luật Các Tổ chức Tín dụng. Vì vậy, ông Q và bà H phải có trách nhiệm trả các khoản tiền lãi theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu của Ngân hàng TMCP B là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận, buộc ông Cái Văn Q và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ngân hàng TMCP B tổng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 31/7/2024 là: 26.514.074 đồng, trong đó nợ gốc là 19.380.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.134.074 đồng theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD56D20210146 ký ngày 10/3/2021. Ông Q, bà H còn phải tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

[3] Về án phí: Bị đơn ông Cái Văn Q và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên tổng số nợ phải trả, cụ thể: 26.514.074 đồng x 5% = 1.326.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật Các Tổ chức Tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B.

Buộc ông Cái Văn Q và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền là 26.514.074 đồng, trong đó nợ gốc là 19.380.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.134.074 đồng theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD56D20210146 ngày 10/3/2021.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Cái Văn Q và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HĐTD56D20210146 ngày 10/3/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Ông Cái Văn Q và bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.326.000 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 622.000 đồng (Sáu trăm hai mươi hai ngàn đồng) theo biên lai số 0000153 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hải Lăng;
- THADS huyện Hải Lăng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Bùi Diệu Lương